TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1548/2025/DS-PT
Ngày 04-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1254/2025/TLPT-DS ngày 14/11/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6905/2025/QĐ-PT ngày 19/11/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ thường trú: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long); chỗ ở hiện nay: Nhà T, hẻm A, ấp D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: tổ E, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Nhà ông Nguyễn Thế H1, tổ C, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: tổ E, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là tổ E, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở hiện nay: khu phố V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn T, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: tổ E, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là tổ E, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở hiện nay: 2 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Giữa bà B và bà Nguyễn Ngọc H có quan hệ quen biết nhau nên bà B có cho bà H vay tiền nhiều lần tổng cộng 55.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà B trình bày cho bà H vay ngày 19/02/2024 số tiền 20.000.00 đồng, ngày 30/02/2024 số tiền 20.000.000 đồng, ngày 03/11/2024 số tiền 15.000.000 đồng là có sự nhầm lẫn. Thực tế, bà B cho bà H vay 03 lần với tổng số tiền 55.000.000 đồng, cụ thể ngày 19/02/2023: 20.000.000 đồng, ngày 28/02/2023: 20.000.000 đồng, ngày 03/11/2023: 15.000.000 đồng. Việc vay mượn hai bên không lập giấy tờ, bà H chỉ đưa căn cước công dân của bà H để bà B ghi lại thông tin, cả ba lần cho vay bà B đều trực tiếp giao tiền mặt cho bà H. Hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán, khi nào bà B cần thì báo cho bà H trước 01 tháng, bà H thanh toán tiền vay cho bà B. Hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng bà H có đưa cho bà Bạch T1 lãi từ ngày vay tiền ngày 19/02/2023 đến ngày 24/12/2023 là 15.000.000 đồng, cụ thể ngày 19/02/2023: 3.000.000 đồng, ngày 28/02/2023: 2.000.000 đồng, ngày 24/12/2023: 10.000.000 đồng. Bà B đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại số tiền đã vay nhưng bà H không đồng ý còn cố tình né tránh, bán nhà đi nơi khác. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 40.000.000 đồng, đối với số tiền 15.000.000 đồng do không có ai biết việc vay này và thực tế bà H cũng đã trả cho bà B 15.000.000 đồng tiền lãi, tương đương số tiền 15.000.000 đồng bà H vay ngày 03/11/2023 nên bà B rút yêu cầu đối với số tiền trên. Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến hay tranh chấp gì khác.

Biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Giữa bà H và bà B không có quan hệ với nhau, bà H chỉ quen biết bà B, khi bà B xuống tiệm tóc nơi bà H làm thuê để làm tóc, hai bên cũng không liên lạc với nhau. Bà H không vay tiền của bà B nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B.

Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hay tranh chấp gì khác.

Người làm chứng bà Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Ngọc Ẩn T trình bày:

Bà H2, ông T là em ruột của bà Nguyễn Ngọc H. Giữa ông T và bà Lê Thị B không có quan hệ gì, ông T chỉ biết bà B khi bà H nợ tiền bà B. Trước đây, bà H2, ông T có sống chung nhà với bà H từ nhỏ đến lớn. Từ khi bà H bán nhà mới

chuyển ra ngoài sinh sống. Bà H2, ông T không biết bà B cho bà H vay tiền thời gian nào nhưng có nghe bà H nói có vay của bà B số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu gia đình trả tiền giùm bà H. Thời điểm đó, mẹ bà H2, ông T chết ngày 28/6/2023 âm lịch (ngày 14/8/2023 dương lịch), gia đình làm đám tang có tiền dư nên mới đưa cho bà H 40.000.000 đồng để trả tiền cho bà B; bà H2, ông T không rõ bà H có mang tiền đi trả cho bà B hay không. Sau một thời gian, bà B nghe tin bà H bán nhà nhưng không trả tiền nên có đến nhà yêu cầu bà H trả số tiền nợ 40.000.000 đồng và thêm 15.000.000 đồng cho bà H nợ sau này. Ngoài số tiền trên, bà H không nói nợ thêm số tiền nào khác, khi bà B đến nhà yêu cầu bà H trả tiền có yêu cầu thêm số tiền 15.000.000 đồng, tổng 55.000.000 đồng, khi đó gia đình mới biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 177, 229, 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc H.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị B số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lê Thị B về số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 18/9/2025, bị đơn bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn kháng cáo không có chứng cứ gì khác, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2025, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, việc kháng cáo vẫn trong thời hạn quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà B rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu này là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay 40.000.000 đồng, bao gồm 20.000.00 đồng vay ngày 19/02/2023 và 20.000.000 đồng vay ngày 28/02/2023; chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn đưa căn cước công dân của bị đơn để nguyên đơn ghi lại thông tin, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác; bị đơn không thừa nhận nợ, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ngoài chứng cứ trên nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Ngọc H2 và ông Nguyễn Ngọc Ân T: *"Không biết nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thời gian nào nhưng bà H2, ông T có nghe bị đơn nói vay của nguyên đơn 40.000.000 đồng để chữa bệnh cho mẹ và khi mẹ chết yêu cầu bà H2, ông T đưa tiền cho bị đơn để thanh toán cho nguyên đơn; bà H2, ông T đã đưa cho bị đơn số tiền 40.000.000 đồng còn việc bị đơn thanh toán như thế nào với nguyên đơn thì bà H2, ông T không biết"* và quan hệ của bà H2, ông T là em của bà H, không có quan hệ gì với bà B, để xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 40.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng, nguyên đơn trình bày bà H đã trả cho bà B, việc giao nhận tiền lãi giữa hai bên không có giấy tờ và không được bà H thừa nhận nên không có cơ sở xem xét đánh giá.

Như vậy, chưa đủ cơ sở xác định bà B cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng nên yêu cầu của bà B không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn bà H là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chưa phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí; bị đơn không phải chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B về việc buộc bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị B số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị B được miễn nộp án phí.

Bà Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí.

3. Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lê Thị B về số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho bà Nguyễn Ngọc H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019424 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - TPHCM;
- TAND khu vực 18 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự (09). (80).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Duyên Hằng